|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐẮK NÔNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBNDDỰ THẢO | *Đắk Nông, ngày tháng 7 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, cách phân bổ máy tính bảng cho các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

 *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

 *Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;*

 *Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;*

 *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số …. TTr-STTTT ngày tháng năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

 **Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, cách phân bổ máy tính bảng cho các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

 Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

 **Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Bộ TTTT (b/c);- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Chánh , các Phó Chánh VPUBND tỉnh;- Lưu: VT, KGVX, TH. | **CHỦ TỊCH** **Hồ Văn Mười**  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, cách phân bổ máy tính bảng cho các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2022*

 *của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ học tập của học sinh phổ thông thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

**Điều 2. Đối tượng hỗ trợ máy tính bảng**

1. Đối tượng hỗ trợ máy tính bảng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách có công với cách mạng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thành viên của hộ gia đình là học sinh phổ thông;

b) Có nhu cầu nhận hỗ trợ máy tính bảng thuộc Chương trình;

c) Chưa được nhận hỗ trợ máy tính (máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng) phục vụ học tập của học sinh từ các nguồn khác thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

2. Trong phạm vi số lượng máy tính bảng của Chương trình phân bổ cho các địa phương theo quy định tại Điều 3 Quyết định này, việc đề xuất đối tượng nhận máy tính bảng được xác định theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

**Điều 3. Tiêu chí phân bổ máy tính bảng của Chương trình cho các địa phương**

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ số lượng máy tính bảng của Chương trình cho từng huyện, thành phố (sau đây gọi chung là huyện) trên cơ sở số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách của từng huyện.

2. Số lượng máy tính bảng phân bổ cho các huyện được xác định theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mtbin  | =  | Mtbn  | X | (Hncni - Mtki) |
|  t ∑ (Hncni - Mtki) i=1 |

Trong đó:

a) Mtbin: Là số lượng (cái) máy tính bảng của Chương trình phân bổ cho huyện i trong năm n;

b) Mtbn: Là số lượng máy tính bảng của Chương trình thực hiện hỗ trợ trong năm n;

c) Hncni: Số lượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách của huyện i (do Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp tại thời điểm xác định số liệu);

d) Mtki: Là số lượng máy tính bảng huyện i đã được hỗ trợ từ Chương trình này của các năm trước năm n và số lượng máy tính, máy tính bảng đã được hỗ trợ bằng các nguồn khác thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” (tính đến thời điểm phân bổ máy tính bảng cho các địa phương);

đ) t: Là số huyện có hộ nghèo, hộ cận nghèo.

**Điều 4. Phân bổ máy tính bảng và đề xuất danh sách đối tượng được nhận máy tính bảng tại các địa phương**

1. Tiêu chí ưu tiên hộ gia đình được nhận máy tính bảng:

Tiêu chí chung ưu tiên đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này được nhận hỗ trợ máy tính bảng theo thứ tự sau:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách người có công với cách mạng;

b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội;

c) Hộ nghèo, cận nghèo thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được phân định theo trình độ phát triển theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ *(theo thứ tự ưu tiên xã khu vực III, xã khu vực II, xã khu vực I);*

d) Hộ nghèo;

đ) Hộ cận nghèo.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và số lượng máy tính bảng được phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Phân bổ máy tính bảng cho các các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn;

b) Chỉ đạo công tác xét chọn, đề xuất danh sách hộ gia đình được nhận máy tính bảng tại địa phương; đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quyết định này và theo các tiêu chí ưu tiên;

c) Phê duyệt Danh sách hộ gia đình tại địa phương được nhận máy tính bảng báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp)* theo Mẫu số 01/DSH-MTB, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh danh sách hộ gia đình được phân bổ máy tính bảng là trong 20 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ máy tính bảng của Chương trình cho địa phương.

**Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan và đối tượng được nhận hỗ trợ máy tính bảng**

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh sách hộ gia đình tại địa phương được nhận máy tính bảng theo số lượng được phân bổ và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra theo dõi, giám sát việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi thẩm quyền pháp luật quy định;

d) Tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình về hỗ trợ máy tính bảng và hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Phối hợp, cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; kết quả rà roát hộ nghèo định kỳ hàng năm theo quy định;

c) Phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi thẩm quyền pháp luật quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ máy tính từ các nguồn khác nhau thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp bàn giao máy tính bảng cho các đối tượng được nhận hỗ trợ và hướng dẫn học sinh của các hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng sử dụng thiết bị cho mục đích học tập;

c) Phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi thẩm quyền pháp luật quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 4 Quyết định này;

b) Phối hợp, cung cấp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư hướng dẫn chung thực hiện Chương trình;

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra theo dõi, giám sát việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn;

d) Bố trí ngân sách địa phương cho các cơ quan liên quan đến công tác quản lý thực hiện Chương trình tại địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Đối tượng được nhận máy tính bảng:

a) Tạo điều kiện để học sinh là thành viên trong hộ gia đình được sử dụng máy tính bảng phục vụ học tập; sử dụng máy tính bảng trong hộ gia đình để khai thác thông tin phục vụ phát triển kinh tế và thông tin thiết yếu khác trên mạng Internet theo nhu cầu;

b) Lựa chọn dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng và phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ, thủ tục phát triển thuê bao, thay đổi dịch vụ sử dụng, tạm dừng, đưa thuê bao ra khỏi danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định.

**Phụ lục I**

**MẪU BIỂU HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ HỖ TRỢ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Mẫu số 01/DS – MTB, Phụ lục I

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND huyện, thành phố …….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC NHẬN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG**

**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã huyện, xã** | **Tên huyện, xã** | **Họ và tên chủ hộ** | **CMND/ CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ** | **Địa chỉ** | **Đối tượng hộ gia đình** | **Ghi chú** |
|  |
| *A* | *B* | *C* | *D* | *1* | *2* | *3* | *4* |  |
|   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  | *…….., ngày … tháng … năm …..* |  |
|  |  |  | **Chủ tịch UBND huyện** |  |
|  |  |  | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |  |

**Hướng dẫn cách ghi biểu**:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên huyện, tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.

- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.

- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản, ….

- Cột (3) Đối tượng hộ gia đình được ghi như sau:

 + ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.

 + ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.

 + ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

 + ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).